

Bản án số: 273/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 08-8-2023

v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa

Ông Trần Đức Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thoảng là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:
Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 80/2023/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc: “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ánh H, sinh năm: 1992. Địa chỉ: Số 33 đường T, phường NF, quận L, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Mai Văn T, sinh năm: 1994. Địa chỉ: Số 101 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Ánh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Mai Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 101 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vào khoảng năm 2017 và trầm trọng nhất vào tháng 7/2022. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau. Ông T còn có quan hệ tình cảm với người khác. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Từ tháng 7/2022 bà đã dẫn con về nhà mẹ bà sinh sống tại địa chỉ: Số 33 đường T, phường NF, quận L, thành phố Đà

Năng. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông Mai Văn T .

Về con chung: Bà Lê Thị Ánh H xác định vợ chồng bà có 01 con chung: Mai Lê Thảo N , sinh ngày: 21/5/2016. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Lê Thảo N và yêu cầu ông Mai Văn T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi con chung được 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ánh H xác nhận không có.

Đối với bị đơn ông Mai Văn T : Mặc dù ông Mai Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Mai Văn T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Ánh H .

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ánh H đối với ông Mai Văn T .

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Mai Lê Thảo N , sinh ngày: 21/5/2016 cho bà Lê Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng và ông Mai Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ánh H xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2023 thì nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn để xin ly hôn và nuôi con, không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Mai Văn T có địa chỉ tại: Số 101 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[3] Bị đơn ông Mai Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Mai Văn T .

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Ánh H và ông Mai Văn T tự nguyện kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132/2015, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 20/11/2015. Do đó, hôn nhân giữa ông Mai Văn T và bà Lê Thị Ánh H là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ánh H , HĐXX nhận thấy: Theo xác minh tại nơi cư trú của ông Mai Văn T và bà Lê Thị Ánh H ở tổ 54 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng ông T và bà H thỉnh thoảng có cãi vã và bà H hiện không còn cư trú thực tế tại địa chỉ: Số 101 đường N, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Mai Văn T vẫn không đến Tòa án để tham gia tố tụng hay để Tòa án tiến hành hòa giải. Điều này chứng tỏ ông Mai Văn T bỏ mặc, không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Lê Thị Ánh H . Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Lê Thị Ánh H và ông Mai Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị Ánh H được ly hôn với ông Mai Văn T .

[5] Về con chung:

[5.1] Bà Lê Thị Ánh H xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Lê Thảo N , sinh ngày: 21/5/2016. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn, HĐXX nhận thấy: Theo bản ý kiến trình bày của cháu Mai Lê Thảo N thể hiện nguyện vọng của cháu là ở với mẹ. Hơn nữa bản thân cháu là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ trong quá trình trưởng thành và hiện cháu cũng đang sống cùng với bà H . Vì vậy, việc giao cháu Mai Lê Thảo N cho bà Lê Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Ánh H về việc giao con chung Mai Lê Thảo N cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

[5.2] Đối với yêu cầu buộc ông Mai Văn T cấp dưỡng nuôi con chung

mỗi tháng 2.000.000 đồng: HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng bà Lê Thị Ánh H yêu cầu là phù hợp cho việc nuôi dưỡng, học hành, nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó, căn cứ Điều 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà H về mức cấp dưỡng nuôi con.

[5.3] Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, ông Mai Văn T và bà Lê Thị Ánh H đều có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ánh H xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Mai Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ánh H đối với ông Mai Văn T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ánh H được ly hôn với ông Mai Văn T .

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 132/2015, quyển số 01/2015, đăng ký ngày 20/11/2015 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao con chung Mai Lê Thảo N , sinh ngày: 21/5/2016 cho bà Lê Thị Ánh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Mai Văn T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị Ánh H xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ánh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009424 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Ánh H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Mai Văn T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Hòa Xuân;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền